

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2022

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

- Năm 2022, công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng, luôn bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngày 23/12/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 234/KH-UBND Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể và chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, tổ chức triển khai thực hiện, trong đó, tập trung thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực; thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thu hút đầu tư; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính; thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Chính phủ (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cấp chính quyền, tập trung đẩy mạnh các dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp... Trong năm 2022, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành 26/26 nhiệm vụ cụ thể giao theo kế hoạch.

- Thực hiện Kế hoạch của Bộ Nội vụ về triển khai Đề án xác định chỉ số CCHC năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai tự chấm điểm Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2021, theo kết quả công bố của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ ngày 25/5/2022, tỉnh Thái Nguyên đạt 89,20 điểm và xếp vị trí thứ 6/63 tỉnh, thành phố; xếp thứ nhất so với 14 tỉnh

khu vực Trung du Miền núi phía Bắc, tăng 3,59 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2020. Đây là năm thứ năm liên tiếp (từ năm 2016) tỉnh Thái Nguyên cải thiện thứ hạng Chỉ số CCHC và tăng 48 bậc trên Bảng xếp hạng. Kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2021 đạt 89,42% xếp thứ 11/63 và tăng 13 bậc so với năm 2020. Sau khi công bố kết quả Chỉ số CCHC và chỉ số hài lòng, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng báo cáo đánh giá, phân tích Chỉ số, đồng thời xây dựng kế hoạch cải thiện Chỉ số năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện các giải pháp duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Thái Nguyên và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2021; đồng thời ban hành các Kế hoạch duy trì, cải thiện các Chỉ số trên trong năm 2022 (Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2022 và Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2022).

- Tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC đối với 19 sở, ban, ngành, 09 đơn vị cấp huyện trên hệ thống phần mềm điện tử (đã được tỉnh Thái Nguyên xây dựng và áp dụng), khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021, đồng thời công bố xếp hạng, kết quả, đối với sở, ngành, UBND cấp huyện. Các địa phương công bố, đánh giá xếp hạng Chỉ số CCHC đối với cấp xã. Nhằm đảm bảo hiệu quả, phù hợp với Chương trình của CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quy định theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025, hiện nay, bộ Chỉ số đã được triển khai thực hiện đánh giá trong năm 2022.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC, các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề phát trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, trong đó: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã thực hiện 30 số chuyên mục, chuyên trang

liên quan đến công tác CCHC như: Chính sách cuộc sống, Bảo hiểm xã hội và lao động việc làm; thực hiện 376 tin tức, phản ánh, phóng sự về lĩnh vực CCHC, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp... Báo Thái Nguyên đã tuyên truyền 197 tin, bài, ảnh về công tác CCHC. Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải 71 văn bản chỉ đạo, điều hành và sản xuất, dẫn nguồn 352 tin, bài về CCHC và PCI. Tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng và đưa Trang thông tin điện tử của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên vào hoạt động nhằm đăng tải thông tin, các hoạt động về CCHC. Nhiều đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, tổ chức các cuộc thi về CCHC với nhiều hình thức phù hợp, nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC, ý thức, đạo đức, trách nhiệm trong thi hành công vụ như: UBND thành phố Thái Nguyên, huyện Định Hóa, huyện Phú Lương, huyện Võ Nhai...

- Để nâng cao hiệu quả chất lượng công tác lý luận chính trị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức Hội thảo khoa học với các chuyên đề về công tác lý luận, trong đó có chuyên đề “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với công tác cải cách hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên tại cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị”, đây là chuyên đề khoa học gắn thực tiễn và lý luận là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng và chất lượng đội ngũ đảng viên, chấn chỉnh lề lối, tác phong công tác của đảng viên, gắn vai trò, trách nhiệm của người đảng viên với hiệu quả trong thực hiện công tác chuyên môn nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

- Nhằm tổng kết những thành tựu, bài học kinh nghiệm trong công tác cải cách hành chính của tỉnh, trên cơ sở phát huy những ưu điểm, khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức hội thảo khoa học “Cải cách hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030”.

3. Về kiểm tra công tác CCHC

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2022, thành lập Tổ kiểm tra đột xuất nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, tập trung vào các đơn vị cấp xã nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, tập trung kiểm tra việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh, hình thức, biện pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan tiến hành 03 Đoàn kiểm tra, kiểm tra kiểm tra trực tiếp tại 08 sở, ban, ngành (Sở Y tế, Sở Ngoại vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh và Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên), 05 đơn vị cấp huyện (thành phố Thái Nguyên, thành phố Phổ Yên, huyện Đồng Hỷ, huyện Phú Bình, huyện Võ Nhai) và 10 đơn vị cấp xã từ ngày 22/8/2022 đến ngày 14/10/2022. Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, tự tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền. Đoàn kiểm tra của tỉnh tổ chức kiểm tra đột xuất công tác CCHC và kiểm tra công vụ tại: Sở Giao thông Vận tải, Chi cục Thú y, Chăn nuôi thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), thị trấn Hùng Sơn, xã Tân Thái (huyện Đại Từ), xã Điềm Thụy (huyện Phú Bình), phường Lương Sơn (thành phố Sông Công), thị trấn Trại Cau (huyện Đồng Hỷ).

Các đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tự tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị trực thuộc, các UBND cấp xã nhằm đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC, kịp thời thực hiện giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót, cải thiện Chỉ số CCHC.

4. Về áp dụng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Trong năm 2022, nhiều sáng kiến đã được thí điểm, được triển khai như: Triển khai kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu, làm giàu dữ liệu dân cư, đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, sáng kiến về giảm mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Ngoại vụ và Sở Thông tin Truyền thông tỉnh Thái Nguyên; các sáng kiến về CCHC trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế... đã được triển khai áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

5. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Trong năm 2022, tỉnh Thái Nguyên được giao 149 nhiệm vụ, đã hoàn thành 44 nhiệm vụ còn 105 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện và chưa đến hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác thẩm định, tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản QPPL được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo 100% văn bản QPPL của HĐND và UBND các cấp trước khi ban hành được các cơ quan Tư pháp thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến,

hợp pháp, thống nhất và khả thi của văn bản khi được ban hành. Trong năm 2022, Sở Tư pháp đã thẩm định 84 dự thảo văn bản QPPL (trong đó có 40 Nghị quyết, 44 Quyết định), trên cơ sở đó HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 59 văn bản QPPL (33 Nghị quyết, 26 Quyết định); Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến xây dựng văn bản pháp luật do các cơ quan Trung ương ban hành, văn bản hành chính khác do tỉnh ban hành (219 dự thảo văn bản). Ban hành Đề án tăng cường công tác xây dựng và thực hiện hệ thống văn bản QPPL tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025.

- UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 12/4/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật và ban hành Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 29/6/2022 về triển khai thực hiện Chỉ thị trên; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 31/3/2022 triển khai thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025” trong đó có nội dung tăng cường hoàn thiện thể chế. Đối với văn bản giao quy định chi tiết, năm 2022 tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3. 100% các đề nghị xây dựng VBQPPL do các cơ quan chuyên môn đề xuất đều được Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, Sở Tư pháp cho ý kiến trước khi trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Về công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 27/01/2022 về thực hiện công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2022, thành lập Tổ tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thực hiện các nhiệm vụ tư vấn pháp luật, đối thoại, hỗ trợ giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp, trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã rà soát, xem xét đề xuất của nhà đầu tư, cơ quan quản lý đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền khác liên quan đến các dự án triển khai tại địa phương, cho ý kiến đối với các dự án, qua đó giúp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 03/3/2022 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo thẩm quyền, đúng yêu cầu đề ra; thành lập Đoàn kiểm tra văn bản QPPL.

- Công tác tự kiểm tra văn bản được UBND các cấp thực hiện nghiêm túc, đảm bảo 100% VBQPPL ban hành được tự kiểm tra theo quy định. Đối với cấp tỉnh, trong năm 2022 thực hiện tự kiểm tra 47 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành (gồm cả văn bản kỳ trước chuyển sang); kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã kiểm tra, lập danh mục VBQPPL do tỉnh ban hành theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương (tự kiểm tra theo lĩnh vực), công tác kiểm tra các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước đã được triển khai và báo cáo đúng thời hạn, đáp ứng yêu cầu về nội dung.

- Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền: Đoàn kiểm tra công tác xây dựng VBQPPL của tỉnh trực tiếp kiểm tra tại 03 địa phương (huyện Định Hóa, huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên), tiến hành kiểm tra 899 văn bản các loại (bao gồm cả văn bản hành chính thuộc đối tượng kiểm tra), trong đó có 10 VBQPPL. Thông qua hoạt động kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời một số tồn tại hạn chế trong hoạt động xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL ở cấp huyện¹. Đồng thời thực hiện kiểm tra theo lĩnh vực (lao động, thương binh và xã hội: 17 văn bản; nông nghiệp và phát triển nông thôn: 22 văn bản).

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện hiệu quả, trong đó hoạt động rà soát theo chuyên đề được quan tâm thực hiện và đạt được kết quả tích cực, kịp thời xử lý văn bản có nội dung không phù hợp, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống VBQPPL của tỉnh; kết quả cụ thể: Đã thực hiện rà soát theo chuyên đề 282 văn bản QPPL; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 12 văn bản có nội dung không còn phù hợp.

Cùng với hoạt động rà soát thường xuyên, UBND tỉnh còn chỉ đạo rà soát theo chuyên đề như: rà soát, khắc phục sơ hở, bất cập trong cơ chế chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực²; rà soát việc áp dụng, thực hiện các quy định pháp luật và có những kết quả cụ thể³; thể hiện tính nghiêm túc, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về việc công bố Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2021, theo đó có

¹ Sau hoạt động kiểm tra đều có đánh giá, kết luận cụ thể.

² Đã kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, xem xét 30 nội dung (16 nội dung quy định tại Luật; 10 nội dung quy định tại Nghị định; 01 nội dung quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 03 nội dung quy định tại Thông tư) còn có vướng mắc, bất cập, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương.

³ Kiến nghị 04 văn bản của tỉnh ban hành có nội dung không còn phù hợp, vướng mắc trong thực hiện; đồng thời kiến nghị xem xét 13 nội dung quy định tại 03 Luật, 04 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 02 Thông tư còn có vướng mắc, bất cập trong thực hiện.

48 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (18 Nghị quyết; 30 Quyết định) và 04 Quyết định hết hiệu lực một phần. Chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu xây dựng Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật (Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 12/4/2022) và Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 27/01/2022 về theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2022 và ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ngành tư pháp đã triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 24/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 - 2022; thực hiện tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước năm 2022 (Đã tiến hành kiểm tra tại huyện Đại Từ, huyện Định Hóa, thành phố Thái Nguyên và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Thực hiện đánh giá, xử lý, phân tích phiếu khảo sát về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chịu ảnh hưởng trong bối cảnh dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2022. UBND tỉnh giao Sở Tư pháp thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng; lĩnh vực thanh tra, tư pháp; lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội do HĐND, UBND tỉnh ban hành; báo cáo tình hình thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật trên địa bàn tỉnh.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch hoạt động để tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật đến người dân nhằm nâng cao được ý thức chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh. Việc tuyên truyền công tác được thực hiện lồng ghép với công tác cải cách hành chính phù hợp với từng nội dung và đối tượng; thường xuyên tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đến cán bộ công chức cơ quan; đẩy mạnh tuyên truyền việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận, trả kết quả TTHC qua đường bưu điện đến với người dân.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với 94 TTHC. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực. Trong năm 2022, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC như: Triển khai thực hiện Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; chỉ đạo đơn đốc thực hiện dịch vụ công trực tuyến; kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp huyện, cấp xã... Các cấp, các ngành thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC nhằm đề xuất, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định, điều kiện không cần thiết, không hợp lý, đảm bảo thực chất, góp phần giảm chi phí thực hiện TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Ngày 06/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1835/QĐ-UBND về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2022.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành đã ban hành 37 Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành của tỉnh với tổng số 1.236 TTHC (Trong đó ban hành mới 617 TTHC, sửa đổi 22 TTHC, bãi bỏ 597 TTHC). Các TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và được các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị. Tính đến thời điểm ngày 14/12/2022, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là: 1.893 TTHC (số TTHC thực hiện tại cấp tỉnh là: 1.478 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp huyện là: 289 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp xã là: 126 TTHC); trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định là: 1.882 TTHC; số TTHC do tỉnh ban hành là: 11 TTHC. Số TTHC liên thông cùng cấp là 73 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 59 thủ tục; số TTHC được phê duyệt quy trình nội bộ là 1.893 TTHC (tỷ lệ 100%)

- UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp trên địa bàn tỉnh và đơn đốc, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện rà soát. Kết quả đã thẩm định, tổng hợp xây dựng dự thảo Phương án đơn giản hóa, trình UBND tỉnh phê duyệt, báo cáo Văn phòng Chính phủ và kiến nghị các Bộ, ngành đơn giản hóa 66 TTHC thuộc các lĩnh vực: Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Ngoại giao; Giao thông vận tải; Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Xây dựng; Thanh tra.

- Tổ chức tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo đúng quy định 19 phản ánh, kiến nghị (trong đó 11 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, 8 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính).

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Trong năm 2022, các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 100% bộ phận một cửa cấp huyện (9 huyện, thành phố, thị xã, 178 đơn vị cấp xã) được đầu tư hạ tầng phòng làm việc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng phần mềm một cửa điện tử kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tính đến ngày 15/12/2022, tổng số hồ sơ được tiếp nhận là 946.181 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,68%.

- Tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về áp dụng chuyển đổi số trong giải quyết TTHC; triển khai thực hiện dịch vụ công "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính" trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, chỉ đạo các địa phương trong tỉnh thực hiện cấp tài khoản cho cán bộ, công chức tư pháp hộ tịch cấp xã để đảm bảo thực hiện việc cung cấp dịch vụ công "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính" tại tất cả UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định

- Tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau sắp xếp đã đi vào hoạt động, từng bước ổn định. Kết quả đến nay đã thực hiện:

Hiện nay, số lượng sở, ban, ngành và tương đương 21 cơ quan, tổ chức; số lượng phòng trực thuộc sở, ban và tương đương, chi cục thuộc sở: 130 tổ chức (giảm 35 phòng, chi cục so với thời điểm năm 2016); số lượng phòng và tương đương trực thuộc UBND, HĐND cấp huyện: 116 tổ chức. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL), tổng số là 792 đơn vị (giảm 110 đơn vị so với năm 2015).

- Phân loại đơn vị để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp, đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị SNCL sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa đồng thời thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp cho số người làm việc tại các đơn vị SNCL sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa.

a) Về sắp xếp các cơ quan hành chính năm 2022

Ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với 09 sở, ban.⁴

b) Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp năm 2022

Quyết định tổ chức lại, đổi tên 21 đơn vị sự nghiệp (8 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, 13 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện), sau khi thực hiện tổ chức lại giảm 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, 4 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện⁵.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp năm 2022, đảm bảo đúng số lượng biên chế được Bộ Nội vụ giao. Cụ thể:

- Biên chế hành chính năm 2022: Tổng số 1.936 biên chế (*giữ nguyên so với năm 2021*).

- Biên chế sự nghiệp năm 2022: Biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Tổng số 24.012 biên chế và 13 biên chế dự phòng (*giảm 1.137 biên chế so với năm 2021*), gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 18.748 biên chế.

+ Sự nghiệp y tế: 3.422 biên chế.

+ Sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 449 biên chế.

+ Sự nghiệp khác: 1.393 biên chế.

- Biên chế sự nghiệp dự phòng để thực hiện tinh giảm biên chế giai đoạn 2022 - 2025: 13 biên chế.

⁴ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế; Sở Ngoại vụ; Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính.

⁵ Tổ chức lại Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Thông tin và Dịch vụ đối ngoại trực thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên vào Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên; tổ chức lại Bệnh viện A trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Tổ chức lại Trung tâm xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; tổ chức lại Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên; tổ chức lại Nhà khách trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên; đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành Bệnh viện Phổi; đổi tên Bệnh viện Tâm thần thành Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Tổ chức lại 8 đơn vị sự nghiệp giáo dục cấp huyện; đổi tên 05 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố Phổ Yên; tổ chức lại Trường Trung cấp Dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải trực thuộc Sở Giao thông vận tải và Trường Trung cấp Dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội.

3.3. Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương.

- Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, ngày 31/12/2020 và Nghị quyết 04 ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 5230/UBND-NC triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định do Chính phủ và các bộ, ngành. Nhiều nội dung phân cấp quản lý đã được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật và các Quyết định của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện để thực hiện phân cấp, phân quyền theo ngành, lĩnh vực như: Quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư, quản lý công vụ, cán bộ, công chức viên chức và quản lý đất đai...

- Trong năm 2022, các quy định phân cấp quản lý nhà nước tiếp tục được thực hiện thống nhất và có hiệu quả, phát huy tính năng động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương trên từng ngành, lĩnh vực được hoàn thiện một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu lực quản lý thống nhất, xuyên suốt của trung ương đối với địa phương và khuyến khích tính sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương; nâng cao tính chủ động cho địa phương trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của địa phương, góp phần giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và nhân dân tại địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức; quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ triển khai đôn đốc thực hiện, thẩm định và trình UBND tỉnh Quyết định vị trí việc làm cho 21 cơ quan thuộc UBND tỉnh và HĐND tỉnh và 09 UBND huyện, thành phố; phê duyệt vị trí việc làm cho 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc.

- Đối với các ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh tiếp tục xem xét, điều chỉnh Danh mục vị trí việc làm khi có văn bản hướng dẫn nhằm đảm bảo vị trí việc làm đúng quy định, kịp thời và hiệu quả.

4.2. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức:

Việc tuyển dụng công chức, viên chức được UBND tỉnh phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và phân cấp cho các Trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các bệnh viện từ hạng II trở lên thuộc Sở Y tế. Qua đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động trong công tác tuyển dụng, đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Năm 2022, số công chức được các cơ quan, đơn vị tuyển dụng là 48 người trong đó: Tuyển dụng qua thi tuyển, xét tuyển: 24 người; tiếp nhận vào làm công chức: 24 người. Số viên chức được tuyển dụng: 229 người.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức.

Thực hiện quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, công tác bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo được thực hiện theo đúng quy định. Năm 2022, thực hiện Quyết định công tác cán bộ đối với 30 cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Tiếp nhận và bổ nhiệm 05 người; Điều động và bổ nhiệm 07 người; Bổ nhiệm mới 09 người; Bổ nhiệm lại 03 người; Giao phụ trách 04 người; Giao điều hành cơ quan 02 người); Quyết định về công tác cán bộ đối với 31 cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý (Giới thiệu để bầu 02 người; Bổ nhiệm mới 12 người; Bổ nhiệm lại 08 người; Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định 03 người; Giao phụ trách 01 người; Giao điều hành cơ quan 02 người; bổ nhiệm khi chuyển đổi chức danh do sắp xếp lại tổ chức 03 người).

4.4. Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo chỉ tiêu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của từng cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh Thái Nguyên đã cử 10 cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi nâng ngạch từ chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp do Bộ Nội vụ tổ chức; kết quả 100% cán bộ, công chức dự thi đã được bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp. Triển khai rà soát, đăng ký chỉ tiêu và nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2022.

- Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ bác sỹ (hạng III) lên bác sỹ chính (hạng II) và quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp bác sỹ chính (hạng II) cho 18 viên chức đã trúng tuyển kỳ xét thăng

hạng. Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Y tế đăng ký chỉ tiêu thi thăng hạng các chức danh viên chức chuyên ngành y tế năm 2022 cho 31 trường hợp. Kết quả có 30/31 trường hợp trúng tuyển kỳ thi thăng hạng CDNN do Bộ Y tế tổ chức.

4.5. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022, số lượng đào tạo, bồi dưỡng là 43 lớp với 3.530 học viên. Nội dung các chương trình bồi dưỡng tập trung vào bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức về hội nhập quốc tế, chuyên đổi số,... Sở Nội vụ đã phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tổ chức mở các lớp bồi dưỡng, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Triển khai việc biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công:

- Tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao: 5.992.283 triệu đồng. Số kế hoạch vốn do địa phương giao trên địa bàn toàn tỉnh: 9.176.744 triệu đồng, (trong đó: Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định: 189.237 triệu đồng; Vốn kế hoạch năm 2022 do địa phương giao: 8.987.507 triệu đồng).

- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề (30/11/2022): 5.223.285/5.992.283 triệu đồng đạt 87,2% so với số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao; đạt 57% so với kế hoạch tỉnh giao. Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo (31/12/2022): 7.225.500/5.992.283 triệu đồng, đạt 120,6% so với số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.

5.2. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Thực Công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất năm 2022, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất đối với 29 cơ quan, đơn vị như: Trụ sở Chi cục Thuế huyện Võ Nhai (cũ); trụ sở làm việc của UBND thị trấn Hùng Sơn huyện Đại Từ (Trụ sở làm việc UBND thị trấn Đại Từ cũ); Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND huyện Võ Nhai; Trường THCS Quân Chu huyện Đại Từ; UBND xã Phúc Lương; Trường mầm non Hùng Sơn 2; Trường mầm non Sơn Phú; UBND xã Đức Lương; UBND thành phố Thái Nguyên...

- Trên cơ sở Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ công tác tham mưu bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công để thực hiện dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ trung tâm thành phố Thái Nguyên và Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi dự án thực hiện kiểm tra hiện trạng cơ sở nhà đất, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo cáo kê khai, lập phương án sắp xếp để trình UBND phê duyệt phương án sắp xếp xử lý tài sản công để thực hiện dự án theo quy định.

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí trong quản lý hành chính: Tổng số 219 cơ quan, đơn vị thực hiện, trong đó có 46 sở, ban, ngành, 173 cơ quan chuyên môn cấp huyện.

- Thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị SNCL: Tổng số 806 đơn vị đã giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trong đó: 46 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 175 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 585 đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

- Việc thẩm định phương án tự chủ tài chính đơn vị SNCL: UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, xây dựng phương án tự chủ tài chính đối với đơn vị SNCL và thực hiện thẩm định các phương án của đơn vị theo quy định. Trong năm đã thẩm định phương án tự chủ tài chính cho 96 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có 45 đơn vị sự nghiệp công lập được kéo dài đến hết năm 2022.

- Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

+ UBND tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển DNNN tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chuyển đổi 04 đơn vị SNCL thành công ty cổ phần, trong đó có 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Xây dựng (Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng và Viện Quy hoạch) và 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Giao thông Vận tải (Trung tâm Kiểm định chất lượng và Tư vấn xây dựng giao thông và Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới).

+ Triển khai thực hiện thoái vốn Nhà nước tại 02 doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Thái Nguyên (Hoàn thành việc chuyển nhượng vốn nhà nước tháng 4/2022); Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Thái Nguyên (Đã tổ chức đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước ngày 29/8/2022) và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

+ UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện cổ phần hóa 02 doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đại Từ: Rà soát, trình phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa. Phối hợp Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển DNNN tỉnh tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin chuyển giai đoạn cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên sang giai đoạn 2021 - 2025.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương.

Thực hiện Chính quyền điện tử, chính quyền số, xây dựng đô thị thông minh và hoàn thành các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 31/12/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện: Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng; Kế hoạch Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2025; triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Thái Nguyên.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Về hạ tầng bưu chính - chuyển phát: Trên địa bàn tỉnh hiện có 18 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát hoạt động, với gần 250 điểm phục vụ. Tỷ lệ điểm phục vụ đủ điều kiện cung ứng dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính đạt 64%. Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ đạt 100%. Hiện nay có 02 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có sàn giao dịch thương mại điện tử (Vnpost mở sàn Postmart.vn và Viettelpost mở sàn Voso.vn), 100% các sản phẩm OCOP của tỉnh đã được hỗ trợ và đưa lên sàn thương mại điện tử.

- Về hạ tầng viễn thông: Toàn tỉnh có khoảng 2.500 tuyến truyền dẫn nội tỉnh, 100% các tuyến sử dụng phương thức truyền dẫn cáp quang và được xây dựng đến hầu hết các xã, 99% khu vực dân cư được kết nối internet băng rộng (cáp

quang và 3G, 4G); tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông di động có điện thoại thông minh đạt 83%.

- Tiếp tục triển khai Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Thái Nguyên (IOC), có 11 hạng mục đã triển khai, các hệ thống được hoàn thiện, vận hành, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng trong hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục triển khai thí điểm các giải pháp đô thị thông minh trên địa bàn 3 thành phố (Phổ Yên, Sông Công và Thái Nguyên).

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Toàn tỉnh đã cung cấp 14.000 tài khoản thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện trao đổi công việc. 100% các sở, ngành, UBND cấp huyện và 178 xã, phường, thị trấn được xây dựng, duy trì và vận hành Cổng/trang thông tin điện tử. Đối với Hệ thống thông tin báo cáo, đã hoàn thành việc xây dựng và đang thực hiện triển khai thử nghiệm tại Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, thành phố Phổ Yên. Đến nay, hệ thống đã cung cấp dữ liệu của trên 15 chế độ báo cáo, 70 biểu mẫu báo cáo đã được khởi tạo theo các lĩnh vực. UBND tỉnh đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

6.4. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Hệ thống Quản lý văn bản đi đến và điều hành được vận hành ổn định. Trong năm 2022, Hệ thống gửi/nhận 2.201.431 văn bản mạng giữa 1.877 đơn vị.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Hoàn thành triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 142/178 kênh cấp xã, phường. Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được tăng cường.

- Hệ thống thư điện tử tại địa chỉ: <http://mail.thainguyen.gov.vn>, đã cấp cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; dung lượng mỗi hòm thư được cấp có kích thước tối đa 5Gb; kích thước tập tin tối đa cho phép đính kèm trong hệ thống thư điện tử dùng chung của tỉnh là 20MB. Theo thống kê, tỷ lệ các tổ chức và cá nhân thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc đạt trên 90%. 100% công/trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và 178 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được duy trì và vận hành ổn định.

- Sổ tay Đảng viên điện tử: Đã hoàn thành nền tảng hệ thống, triển khai đồng loạt tại 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Đến hết năm 2022, tỉ lệ đảng viên cài đặt, đăng ký thành công trên tổng số đảng viên của toàn tỉnh đạt trên 86%. Tỉnh ủy đã ban hành Quy chế số 12-QC/TU ngày 19/5/2022 quản lý, vận hành ứng dụng Sổ tay Đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

6.5. Xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu tạo nền tảng cho Chính quyền số:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư:

+ Từ ngày 01/6/2022 hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tích hợp chức năng số hóa hồ sơ TTHC trên hệ thống ở cả 3 cấp, theo hướng dẫn tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay, tỉnh đã cấp mới, sửa đổi thông tin gần 8.000 chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các đơn vị, địa phương. Bảo đảm trang bị 100% chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho công chức một cửa và công chức tham gia giải quyết TTHC.

+ Thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh (Đề án 06), Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai các nhóm tiện ích: Nhóm tiện ích giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế xã hội; nhóm tiện ích phục vụ phát triển công dân số (đến hết năm 2022 sẽ thực hiện cấp trên 68.797 tài khoản định danh điện tử cho công dân trên địa bàn tỉnh, 1.019.617/1.039.299 CCCD gắn chip đạt 98%); hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

- CSDL hộ tịch điện tử: Thực hiện tích hợp kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Thái Nguyên với Hệ thống quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp. Đến nay, 100% các địa phương đã hoàn thành việc nhập liệu dữ liệu hộ tịch.

6.6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Từ đầu năm đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nền tảng xã hội số, công dân số, thu hẹp khoảng cách số, Liên minh Saigontel - NGS phối hợp với các sở, ngành tích cực triển khai cung cấp các tính năng mới để thêm tiện ích cho người dân sử dụng ứng dụng Thái Nguyên ID như: Bản đồ các địa chỉ đỏ; tính năng cung cấp thông tin về xe khách, xe taxi trên Ứng dụng Thái Nguyên ID; xây dựng bản demo chức năng về điện (Đăng ký hợp đồng mua bán, thanh lý điện; tra cứu hoá đơn tiền điện...); xây dựng chức năng về tra cứu bảo hiểm xã hội; ngành Y tế triển khai ứng dụng các nền tảng, giải pháp công nghệ số quốc gia trong công tác phòng chống dịch Covid-19; ứng dụng luôn cập nhật những thông tin mới nhất về đời sống, kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên từ những nguồn thông tin chính thống... đến hết năm 2022, có 74.000 lượt cài đặt.

- Tiếp tục khai thác các ứng dụng, trả lời kịp thời các phản ánh liên quan đến các ngành trên C-Thái Nguyên; triển khai các ứng dụng số sức khỏe điện tử, Hệ thống cơ sở dữ liệu Dược quốc gia, chia sẻ, kết nối dữ liệu dân cư quốc gia: Thực hiện Đề án 06, các đơn vị trong ngành y tế đã phối hợp với Công an tỉnh xác thực dữ liệu tiêm chủng, trang bị chữ ký số cho 100% trạm y tế xã, phường thị trấn. Đến nay, 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chip điện tử (222 cơ sở). Triển khai hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) và các phần mềm chuyên ngành thuế đảm bảo đáp ứng phục vụ tốt công tác quản lý thuế hiện đại; hệ thống thuế điện tử (Etax) kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia cung cấp các dịch vụ hành chính công về thuế mức độ 4 (kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử,...). Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0, nhằm đưa thanh toán số trở thành công cụ thanh toán chủ yếu của người dân, thanh toán không dùng tiền mặt tại các Chợ đăng ký mô hình Chợ 4.0, đồng thời phối hợp với huyện Phú Bình, Thành phố Thái Nguyên triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực giáo dục, y tế trên toàn địa bàn.

- Ứng dụng công nghệ số trên nhiều lĩnh vực: Triển khai thanh toán trực tuyến, Hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp phát triển thương mại điện tử, nông nghiệp, tài nguyên môi trường, giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá, du lịch... Trong đó, phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 324 doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ các doanh nghiệp trải nghiệm, sử dụng các

nền tảng số (Nền tảng quản trị doanh nghiệp hợp nhất; Phần mềm kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Phần mềm hóa đơn điện tử...). Thí điểm đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp (DBI) đối với 06 doanh nghiệp, tư vấn cho các doanh nghiệp lựa chọn các nền tảng số; xây dựng Cổng đăng ký tên miền .vn tại tỉnh Thái Nguyên và hỗ trợ triển khai miễn phí 15 website cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số của địa phương. Đến nay, Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên có gần 6 triệu lượt người truy cập với tổng số hơn 2.500 sản phẩm được cập nhật trên sàn, đã đăng 129 sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn, hiện tại sàn có gần 300 đơn vị tự đưa được sản phẩm lên sàn trực tiếp.

6.8. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Toàn tỉnh đã thực hiện cung cấp 1.758 dịch vụ công trực tuyến; số TTHC cung cấp trực tuyến được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 1.013 vụ công. Tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thanh toán trực tuyến, phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công, tạo điều kiện thuận lợi và giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp: Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến là 61%. Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...) là 887 TTHC. Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC của tỉnh là 584 TTHC.

- Ngày 20/7/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Theo đó, tỉnh Thái Nguyên giảm 50% mức thu lệ phí đối với 06 hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh. Đây chính là chính sách quan trọng, khuyến khích và tạo động lực cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tính đến hết năm 2022, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 4 toàn tỉnh đạt 90%. Trong năm, tỉnh Thái Nguyên giao chỉ tiêu xử lý hồ sơ trực tuyến mức độ 4 đạt 55% và phối hợp với Bru điện tỉnh thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC tại nhà tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong năm 2022, công tác CCHC của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả tích cực:

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương luôn quyết liệt, bám sát và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương, cơ bản hoàn thành đúng tiến độ với chất lượng cao, trong đó tỉnh tập trung triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách TTHC cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền các cấp...

- Việc đổi mới và tiếp tục triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các sở, ngành, UBND huyện, thành phố (UBND cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh thông qua áp dụng phần mềm Chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện đã cho thấy tính hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành, là cơ sở để giúp các đơn vị, địa phương thực hiện các giải pháp, biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế nhằm đẩy mạnh CCHC, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông cơ bản đáp ứng yêu cầu, việc áp dụng một cửa điện tử trong tiếp nhận và giải quyết TTHC đạt hiệu quả, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hẹn cao; công tác rà soát, kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên, việc tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp...

- Công tác kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ được tăng cường, các đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và tự tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Công tác triển khai thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, sự vào cuộc của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương đã đạt được những kết quả tích cực, tạo bước đột phá. Các hoạt động ứng dụng CNTT, công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước góp phần thay đổi diện mạo nền hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử từ tỉnh đến cấp xã từng bước hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số đơn vị, địa phương chưa bám sát nhiệm vụ được giao, tiến độ thực hiện nhiệm vụ kế hoạch chưa đảm bảo; chưa kịp thời thực hiện các giải pháp để cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị, địa phương.

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến còn thấp; việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế, hiệu quả chưa cao (có ít cá nhân, tổ chức sử dụng nên tỷ lệ hồ sơ thực hiện thấp, chủ yếu là trả kết quả).

- Việc giải quyết các TTHC vẫn còn những tồn tại như: Còn tình trạng hồ sơ tồn đọng, trả quá hạn; tinh thần, trách nhiệm, thái độ phục vụ tổ chức, cá nhân của một số công chức, viên chức chưa cao; một số có biểu hiện tiêu cực trong giải quyết TTHC, nhất là trong lĩnh vực đất đai dẫn đến tỷ lệ hài lòng của cá nhân, tổ chức tại một số địa phương còn thấp; còn hiện tượng người dân phải chờ đợi lâu để nộp hồ sơ giải quyết TTHC.

- Về thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Tỉnh Thái Nguyên chưa thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

- Một số phần mềm giải quyết TTHC do Bộ, ngành Trung ương triển khai không kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, do đó còn nhiều hồ sơ chưa được đồng bộ số liệu với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

- Triển khai công tác nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL, chú trọng hướng dẫn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định văn bản, tập trung triển khai Đề án tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành về sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.

- Tiếp tục lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đối với các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng phương án tự chủ tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục thực hiện Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh và hoàn thành các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 31/12/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh và kế hoạch của UBND tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử ban hành tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.


- Tiếp tục cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị, địa phương, tập trung kiểm tra đột xuất nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023.



- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về CCHC, nhất là tuyên truyền cải thiện và nâng cao các Chỉ số về năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số CCHC và giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2022, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC. 
- Chintk.12/2022. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 19/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)



Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	64	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	8	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	11	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	11	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	7	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	7	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	149	

5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	44	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.500	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	59	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	59	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	10	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	282	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	

3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	12	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	12	
Biểu mẫu 3 Cải cách thủ tục hành chính				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	66	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	639	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	597	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.893	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.478	Chưa bao gồm cả TTHC của ngành dọc.
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	289	Chưa bao gồm cả TTHC của ngành dọc.
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	126	Chưa bao gồm cả TTHC của ngành dọc.
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	73	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	59	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	3	
3	Kết quả giải quyết TTHC			

3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,65	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	209.049	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	208.301	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,62	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	68.146	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	67.890	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,75	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	661.081	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	659.451	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	19	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	19	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	19 sở, ngành
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	9 đơn vị cấp huyện
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	

1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	59	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	792	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	7	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	126	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	659	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	12,2	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.936	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.832	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	186	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,1	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	24.025	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22.695	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	13,31	
Biểu mẫu 5				
Cải cách chế độ công vụ				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			

1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	30	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	792	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		48	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	24	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	24	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		Không còn thủ tục
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	227	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	2	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	87,2	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	5.992.283	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.223.285	Số liệu đến ngày 30/11/2022
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	806	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	46	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	175	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	585	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7				
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	19 sở, ngành
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	9 đơn vị cấp huyện
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	178 đơn vị cấp xã
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		

5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	$(564/1931)*100=29\%$	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	564	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	564	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	93	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	$(1194/1931)*100 = 62\%$	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1194	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1194	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	415	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	$(1013/1013)*100=100\%$	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1758	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1013	

6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	$(566/1933)*100=29\%$	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	946.181	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	381.829	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	$(1194/1933)*100= 61\%$	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	887	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	584	